

Số: 139 /QĐ-SNN

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (VTNN) và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phân công cơ quan thực hiện kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc phân công quản lý các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở và Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về trình tự, thủ tục kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Đồng thời có trách nhiệm phối hợp, giúp cơ quan chuyên môn cấp huyện triển khai thực hiện Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phân công quản lý các cơ sở sản



xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng VTNN và sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan quản lý chuyên ngành thì đơn vị được giao chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định; đơn vị phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Giao cho Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo về kết quả triển khai thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các Cơ quan quản lý chuyên ngành được giao nhiệm vụ tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 409/QĐ-SNN ngày 26/4/2014 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ ATTP tỉnh (b/c);
- Đảng ủy Sở, Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



Trang Quang Thành

Phụ lục

Phân công kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-SNN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Loại hình cơ sở SXKD theo nhóm ngành hàng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	Cơ sở sản xuất kinh doanh VTNN và nước sinh hoạt nông thôn		
1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp		
3	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật		
4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác		
5	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Chi cục chăn nuôi và Thú y	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
6	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản		
7	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi trù giống thủy sản		

8	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản	Chi cục Thủy sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố;
9	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; Chi cục Chăn nuôi và Thú y
10	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
11	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn	Chi cục Thủy lợi	Trung tâm nước SH và MTNT
12	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng VTNN không thuộc một đơn vị quản lý	Chi cục quản lý nhóm ngành hàng chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; các Chi cục chuyên ngành.
B	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.		
13	Cơ sở chế biến giò, chả, thịt hộp, thịt khô, hun khói, ướp muối		

14	Chợ cá, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản		
15	Cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản đăng ký hộ kinh doanh và quy mô Doanh nghiệp		
16	Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm đăng ký hộ kinh doanh và quy mô doanh nghiệp		
17	Cơ sở sản xuất thủy sản khô (đăng ký hộ kinh doanh và quy mô doanh nghiệp); Cơ sở sản xuất đồ hộp thủy sản	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
18	Cơ sở sơ chế, chế biến chè, tiêu, điều, cà phê (kể cả các hoạt động rang, xay)		
19	Cơ sở sơ chế, chế biến rau, quả độc lập		
20	Sản xuất, sơ chế, chế biến muối		
21	Cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng sản phẩm nông lâm thủy sản không thuộc 01 đơn vị quản lý		
22	Chợ đầu mối, đấu giá nông lâm thủy sản		
23	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản nông sản và thủy sản thực phẩm		
24	Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản (gắn liền cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản).		
25	Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung		Phòng Nông nghiệp và



26	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
27	Cơ sở sản xuất, kinh doanh ban đầu sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật		
28	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật, kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở sản xuất ban đầu	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố
29	Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh và bán thâm canh (quy mô doanh nghiệp và trang trại)	Chi cục Thủy sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; Chi cục Chăn nuôi và Thú y
C	Cơ sở sản xuất, kinh doanh hỗn hợp vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản	Chi cục quản lý nhóm ngành hàng chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố và các Chi cục khác có ngành hàng thuộc phạm vi quản lý

* **Ghi chú:** Các đơn vị được phân công kiểm tra sử dụng biểu mẫu cho từng ngành hàng theo quy định tại phụ lục của Thông tư 45/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn